

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2022/DS-PT
Ngày: 22-11 -2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trường Thọ
Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Có – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2022/TLPT-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DSST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 238/2022/QĐPT-DS, ngày 01 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: số 99C tổ 10 ấp A, xã Đ, huyện L tỉnh Vĩnh Long;
- *Bị đơn:* Anh Trương Văn L, sinh năm 1975 (có mặt)
Địa chỉ: số 112B/xy ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long
- *Người kháng cáo:* Bị đơn, anh Trương Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/01/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

Vào ngày 20/12/2020, chị Tr có cho chị Nguyễn Thị Đoan Ch là vợ của bị đơn Trương Văn L vay số tiền 38.000.000đ để bổ sung vốn mua bán theo giấy mượn tiền cùng ngày, không thoả thuận lãi suất, chị Ch đóng lời bao nhiêu thì tùy khả năng. Trong giấy mượn tiền không đề thời hạn vay nhưng có thoả thuận đến tháng 5/2021 thì phải trả lại tiền. Việc giao tiền diễn ra tại nhà của mẹ ruột anh L, có mẹ anh L, em trai và em dâu của anh L chứng kiến. Chị Ch đóng lãi được khoảng hai đến ba lần, bằng số tiền khoảng 2.000.000đ đến 3.000.000đ thì không tiếp tục đóng lãi. Đến tháng 11/2021, chị Ch chết do dịch bệnh Covid – 19. Hàng thừa kế thứ nhất của chị Ch gồm có anh Trương Văn L (chồng chị Ch), cháu Trương Ngọc T, sinh năm 2010 và Trương Ngọc P, sinh năm 2019 hiện chưa trưởng thành. Do đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh Trương Văn L không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trương Văn L có trách nhiệm trả số tiền 38.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy mượn tiền ngày 20/12/2020 có chữ ký của chị Ch.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trương Văn L trình bày:

Giữa anh L và chị Nguyễn Thị Đoan Ch có quan hệ vợ chồng như nguyên đơn trình bày. Khi chị Ch còn sống, chị Tr có đến nhà đòi tiền nên anh L biết vợ anh có thiếu tiền chị Tr nhưng không biết thiếu bao nhiêu. Anh L thừa nhận chữ viết họ tên của chị Nguyễn Thị Đoan Ch trong giấy mượn tiền ngày 20/12/2020 đúng là của chị Ch, còn chữ ký thì không xác định được vì từ trước đến nay anh không biết chữ ký của vợ.

Do không biết số nợ này nên anh L không đồng ý trả cho chị Tr số tiền 38.000.000đ như yêu cầu khởi kiện.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr

Buộc anh Trương Văn L có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Tr số tiền vay còn nợ là 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc anh Trương Văn L nộp: 1.900.000đ (Một triệu chín trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

2.2. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Tr: 950.000đ (Chín trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003561 ngày 24/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, bị đơn là anh Trương Văn L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án số 65/2022/DSST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tr. Lý do: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng chị Ch vay tiền nhằm mục đích bổ sung vốn làm ăn, phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình là không đúng. Chị Ch chỉ ở nhà nội trợ và chăm sóc con, toàn bộ chi phí sinh hoạt do anh L chu cấp nên không có lý do nào phải hỏi mượn tiền chị Tr. Nếu chị Tr cho vợ chồng anh vay tiền để làm ăn thì phải có chữ ký của anh trong biên nhận. Việc chị Tr cho chị Ch vay tiền không cho anh biết nên anh không có trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự cùng đề nghị sử dụng bản tự khai và tài liệu bổ sung trong giai đoạn phúc thẩm làm chứng cứ giải quyết vụ án.

Trong phần tranh tụng, chị Tr trình bày thấy hoàn cảnh gia đình anh L khó khăn nên tự nguyện khấu trừ tiền lãi và giảm bớt một phần tiền vay, chỉ yêu cầu anh L trả số tiền 30.000.000 đồng nhưng anh L không đồng ý với lý do: mặc dù thừa nhận khi chị Tr đòi tiền, anh L có cam kết trả nợ nhưng do biên nhận không có chữ ký tên và không biết số tiền cụ thể nên không đồng ý yêu cầu của chị Tr. Khi chị Ch chết, hàng thừa kế chỉ gồm anh L và hai con chưa thành niên, tài sản chung vợ chồng chỉ còn căn nhà cấp 4 như chị Tr trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Lý do kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, tại bản tự khai trong giai đoạn phúc thẩm, chị Tr thừa nhận đã nhận 9.000.000 đồng nên căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị sửa án sơ thẩm, khấu trừ số tiền 9.000.000 đồng do chị Tr đã nhận vào số tiền theo nghĩa vụ bị đơn phải trả. Buộc anh Trương Văn L phải trả cho chị Nguyễn Thị Tr số tiền 29.000.000 đồng.

Ngoài ra, vị kiểm sát viên còn đề nghị về tiền lãi chậm thi hành án, án phí sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng và phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục*: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án vào ngày 02/8/2022 đến ngày 15/8/2022, anh Trương Văn L có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của anh L còn trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*: Xét kháng cáo của anh Trương Văn L về việc không đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Tr số tiền 38.000.000đ vì vợ anh là chị Ch chỉ ở nhà nội trợ và chăm sóc con, tất cả chi phí do anh chu cấp nên không thể mượn chị Tr số tiền 38.000.000đ, anh L không biết số tiền và cũng không ký tên trong biên nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng, giữa anh L và chị Ch không có văn bản thể hiện thỏa thuận tài sản riêng, nghĩa vụ tài sản riêng. Khi chị Ch nợ tiền chị Tr, anh L biết và không phản đối. Sau khi chị Ch chết, anh L là người thừa kế, quản lý tài sản chung vợ chồng, bao gồm cả di sản của chị Ch chết để lại. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr là có căn cứ. Lý do kháng cáo của anh L là không có cơ sở để được chấp nhận. Tuy nhiên, về số tiền theo nghĩa vụ phải thanh toán, tại đơn bổ sung chứng cứ ngày 08/11/2022, chị Tr trình bày “*Tôi cho mượn không có tính lãi, chỉ giao kèo miệng, tùy chị Ch cho tiền con tôi đi học. Chị Ch cho tiền lãi được 3 lần với số tiền 3 triệu đồng tháng...*” nên kháng cáo của anh L được chấp nhận một phần và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát

về việc cản trở và sửa án sơ thẩm về số tiền theo nghĩa vụ bị đơn phải thanh toán là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do điều chỉnh số tiền theo nghĩa vụ bị đơn phải trả nên điều chỉnh án phí, anh Trương Văn L phải chịu 29.000.000 đồng x 5% = 1.450.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu. Số tiền do anh L nộp tạm ứng được trừ vào số tiền theo nghĩa vụ phải chịu.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Trương Văn L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DSST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466, 469, 615 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr.

Buộc anh Trương Văn L có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Tr số tiền 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Buộc anh Trương Văn L nộp: 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004194 ngày 15/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Sau khi khấu trừ, anh L còn phải nộp tiếp số tiền 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Tr: 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003561 ngày 24/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2.3. Đương sự không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND H. L;
- VKSND H. L;
- CCTHADS H. L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lâm Triệu Hữu